HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35 /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 655/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn

tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, thôn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về phân cấp, phân quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định khác có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã và thôn, khóm, ấp, khu phố (sau đây viết tắt là thôn) đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới, đặc khu nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; ưu tiên cho các hạng mục, nội dung, dự án tạo sinh kế để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

3. Ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các xã để xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ ngân sách địa phương cho các xã, phường, đặc khu thực hiện chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; xã nông thôn mới hiện đại.

4. Phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách và kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân ngân sách trung ương, địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc các năm trước liền kề.

5. Việc bố trí vốn thực hiện Chương trình phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

6. Đối với các xã thuộc lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 sau khi được thành lập thành phường (tính từ ngày được cấp thẩm quyền công nhận), không bố trí vốn ngân sách trung ương từ Chương trình cho các năm ngân sách tiếp theo của giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ chi thường xuyên cho các sở, ban, ngành tỉnh

1. Vốn chi thường xuyên (bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) bố trí cho sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ, nội dung của Chương trình do sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, phân công của cấp có thẩm quyền.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch dự toán chi thường xuyên hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn thực hiện Chương trình của sở, ban, ngành tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 và các năm trước liền kề.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ cụ thể dự toán chi thường xuyên để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các xã, phường, đặc khu và thôn

1. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã, phường, đặc khu và thôn được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), xã An toàn khu, xã biên giới, xã đảo, đặc khu và các xã còn lại. Mức phân bổ vốn cho từng đơn vị được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 4 nhân (x) với số lượng thôn, xã, đặc khu tương ứng, cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 1.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu, xã biên giới, xã đảo, đặc khu: Hệ số 50.

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 40.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 30.

đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d, khoản 1 Điều 4 thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

a) Phân bổ cho các xã thuộc lộ trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, hệ số theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 (Hệ số 50).

b) Phân bổ cho các phường khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hệ số theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 (Hệ số 50).

c) Riêng đối với các xã điểm xây dựng nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030, bố trí thêm từ ngân sách địa phương tối thiểu 10% trên tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình và hệ số đối ứng của ngân sách tỉnh quy định tại Điều 6 Nghị quyết này; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tổng mức hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu, thôn giai đoạn và hằng năm.

2. Phân cấp cho Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm chi tiết từng dự án, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trong tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước giao cho các xã, phường, đặc khu.

3. Đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, hệ số đối ứng của ngân sách tỉnh theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị quyết này; Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán ngân sách hằng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết nội dung thành phần, hoạt động, lĩnh vực, định mức chi, nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh cho sở, ban, ngành tỉnh và cho các xã, phường, đặc khu và thôn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phải bảo đảm mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Tỷ lệ đối ứng không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

3. Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:

a) Hỗ trợ phường, đặc khu thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định.

b) Hỗ trợ xã điểm xây dựng nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đối ứng tối thiểu bằng 1,34 lần so với tổng ngân sách trung ương hỗ trợ.

2. Bố trí thêm từ ngân sách địa phương tối thiểu 10% đối ứng trên tổng ngân sách trung ương phân bổ, hỗ trợ cho các xã điểm xây dựng nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (ngoài nguồn ngân sách địa phương đối ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Hồng Thắm